

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
 TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN-ĐÔNG ANH
 ĐỀ CHÍNH THỨC
 (Đề kiểm tra có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
 MÔN KIỂM TRA: TOÁN KHỐI 10
 Năm học 2023 – 2024

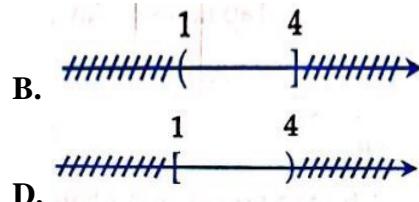
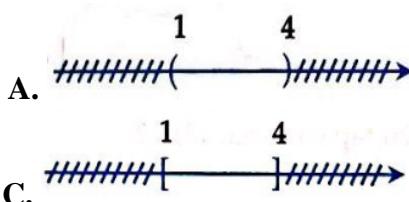
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Mã đề kiểm tra
203

Họ, tên thí sinh: SBD:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1. Hình vẽ nào sau đây (phần không bị gạch) minh họa cho tập hợp $(1; 4]$?



Câu 2. Cho tập hợp $A = (-\infty; -1]$ và tập $B = (-2; +\infty)$. Khi đó $A \cup B$ là:

- A. \emptyset . B. $(-2; +\infty)$. C. $(-2; -1]$. D. \mathbb{R}

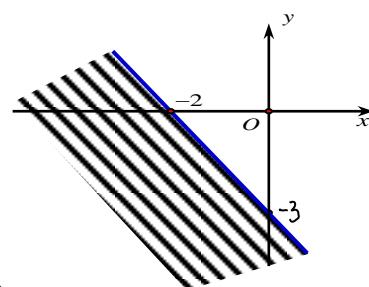
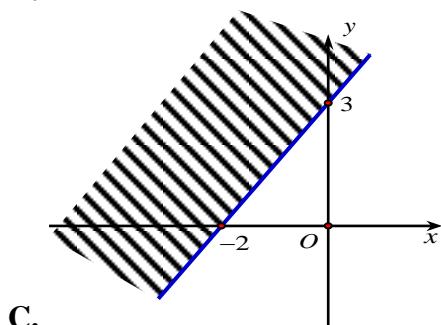
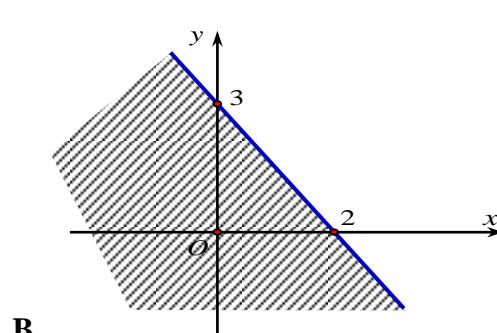
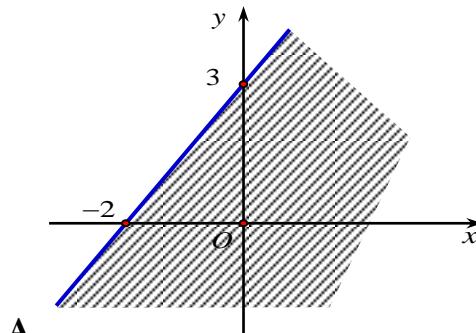
Câu 3. Cho tập hợp $A = \{x \in \mathbb{R} \mid -3 < x < 1\}$. Tập A là tập nào sau đây?

- A. $[-3; 1)$ B. $(-3; 1)$ C. $\{-3; 1\}$ D. $[-3; 1]$

Câu 4. Trong các cặp số sau, cặp nào **không** là nghiệm của hệ bất phương trình $\begin{cases} x+y-2 \leq 0 \\ 2x-3y+2 > 0 \end{cases}$ là

- A. $(-1; 1)$. B. $(0; 0)$. C. $(-1; -1)$. D. $(1; 1)$.

Câu 5. Miền nghiệm của bất phương trình $3x+2y > 6$ là



Câu 6. Cho tam giác ABC , mệnh đề nào sau đây đúng?

- A. $a^2 = b^2 + c^2 - 2bc \cos B$.
 C. $a^2 = b^2 + c^2 - 2bc \cos A$.
 B. $a^2 = b^2 + c^2 + 2bc \cos A$.
 D. $a^2 = b^2 + c^2 - 2bc \cos C$.

Câu 7. Phủ định của mệnh đề " $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 \geq 0$ " là

- A. " $\exists x \in \mathbb{R} : x^2 \leq 0$ ".
 C. " $\forall x \in \mathbb{R} : x^2 < 0$ ".
 B. " $\forall x \in \mathbb{R} : x^2 \leq 0$ ".
 D. " $\exists x \in \mathbb{R} : x^2 < 0$ ".

Câu 8. Giá trị của $\cos 60^\circ + \sin 30^\circ$ bằng bao nhiêu?

- A. $\frac{\sqrt{3}}{2}$. B. $\sqrt{3}$. C. 1 D. $\frac{\sqrt{3}}{3}$.

Câu 9. Gọi O là giao điểm của hai đường chéo của hình bình hành $ABCD$. Đẳng thức nào sau đây sai?

- A. $\overrightarrow{OB} = \overrightarrow{DO}$. B. $\overrightarrow{OA} = \overrightarrow{CO}$. C. $\overrightarrow{CB} = \overrightarrow{AD}$. D. $\overrightarrow{AB} = \overrightarrow{DC}$.

Câu 10. Cặp số $(2;3)$ là nghiệm của bất phương trình nào sau đây?

- A. $x - 3y + 7 < 0$. B. $2x - 3y - 1 > 0$. C. $4x > 3y$. D. $x - y < 0$.

Câu 11. Cho hình bình hành $ABCD$. Vectơ tổng $\overrightarrow{CB} + \overrightarrow{CD}$ bằng

- A. \overrightarrow{BD} . B. \overrightarrow{DB} . C. \overrightarrow{AC} . D. \overrightarrow{CA} .

Câu 12. Cho ΔABC có $AB = 9$; $BC = 8$; $B = 60^\circ$. Tính độ dài AC .

- A. $\sqrt{113}$. B. $\sqrt{217}$. C. 8. D. $\sqrt{73}$.

Câu 13. Trong các mệnh đề dưới đây, mệnh đề nào là mệnh đề đúng?

- A. $\exists x \in \mathbb{R} : x^2 < 0$ B. $\exists x \in \mathbb{N} : x^2 - 2 = 0$
C. $\exists x \in \mathbb{R} : x^2 + 1 = 0$ D. $\exists x \in \mathbb{N} : 2x^2 - 1 < 0$

Câu 14. Cho biết $\tan \alpha = \frac{1}{2}$. Tính $\cot \alpha$.

- A. $\cot \alpha = \frac{1}{4}$. B. $\cot \alpha = 2$. C. $\cot \alpha = \sqrt{2}$. D. $\cot \alpha = \frac{1}{2}$.

Câu 15. Cho hai tập hợp $A = [-5; 3], B = (1; +\infty)$. Khi đó $A \cap B$ là tập nào sau đây?

- A. $[-5; 1]$ B. $(1; 3)$ C. $(1; 3]$ D. $[-5; +\infty)$

II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1. (2 điểm). Cho 2 tập hợp $A = (-\infty; 0]; B = (-1; 2)$.

Xác định các tập hợp sau: $A \cap B; A \cup B; A \setminus B$.

Câu 2. (2 điểm). Biểu diễn miền nghiệm của hệ bất phương trình sau trên mặt phẳng tọa độ:

$$\begin{cases} x \geq 0 \\ y \geq 0 \\ 2x + y \leq 4; \end{cases}$$

Câu 3. (1.5 điểm). Cho tam giác ABC có $AB = 100, \hat{B} = 100^\circ, \hat{C} = 45^\circ$.

- Tính độ dài cạnh AC .
- Tính diện tích tam giác ABC .
- Tính đường cao xuất phát từ đỉnh B của tam giác ABC

Câu 4. (1.5 điểm). Cho tam giác ABC đều cạnh a , trọng tâm G

- Tính $\overrightarrow{CA} - \overrightarrow{CB}$.
- Tính độ dài vectơ $|\overrightarrow{AB} - \overrightarrow{GC}|$.

----- HẾT -----